

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ

Ông Trần Trọng Đại

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Nam Định.

***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên
tòa:*** Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10
năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992;

ĐKKHTT: Thôn N, xã B, huyện N, tỉnh N.

Hiện đang cư trú tại N.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng C sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh N.

(Tại phiên tòa có mặt chị C ; anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị Hồng C trên cơ sở tự
nguyện và đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện N, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến năm 2019, anh đi xuất khẩu lao động tại N, còn chị C vẫn sinh sống ở Việt Nam. Do xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng C.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-7-2019, hiện nay cháu H đang ở với chị Phạm Thị Hồng C. Do hiện nay anh đang đi xuất khẩu lao động tại N và để con được tiếp tục học hành ổn định nên anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành có khả năng tự lập.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác liên quan: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang còn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động tại N nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa.

* Bị đơn chị Phạm Thị Hồng C trình bày: Chị và anh T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 19/02/2019 thì anh T đi xuất khẩu lao động tại N. Thời gian đầu vợ chồng thì thoảng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau một thời gian vợ chồng ít liên lạc hơn. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T, chị cần thời gian để vợ chồng suy nghĩ và chờ anh T về giải quyết, vì vậy chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T có 01 con chung như anh T đã trình bày. Trong trường hợp hai vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành có khả năng tự lập.

Về tài sản, công nợ chung: Ngày 26/4/2021 chị C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Ngày 07 tháng 5 năm 2021, Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chị C không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 192,

Khoản 1 Điều 194 và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự, trả lại đơn cho chị C và không xem xét yêu cầu chia tài sản và công nợ chung của chị C .

* Tại biên bản làm việc ngày 22/4/2021, đại diện chính quyền địa phương xã Bình Minh cung cấp: Anh Trần Văn T kết hôn với chị Phạm Thị Hồng C trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ chồng được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khi đang mang thai cháu H, anh T thì đi xuất khẩu lao động tại N . Chị C sinh con ở nhà bố mẹ đẻ và ở đó cho đến nay, không quay về nhà anh T nữa.

* Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Hồng C vẫn giữ nguyên nội dung trình bày và quan điểm như đã nêu trên. Chị C thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay, khi chị sinh con anh T cũng không quan tâm đến chị, sau đó anh T đi nước ngoài. Thời gian đầu anh T có gọi điện về cho chị nhưng sau đó ít dần, từ tết Tân Sửu (Tháng 2 năm 2021) đến nay anh T không gọi điện về cho chị nữa. Tuy nhiên chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn. Nếu ly hôn chị nhận nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng của anh T. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan chị không yêu cầu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị Hồng C. Giao con chung cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành có khả năng tự lập.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T đã có bản tự khai, đề nghị không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp về kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị Hồng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh N nên là hôn nhân hợp pháp. Nay anh T xin ly hôn chị C không đồng ý. Xét thấy chị C và anh T đã mâu thuẫn từ năm 2019, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T đi xuất khẩu lao động, hai người không còn quan tâm đến nhau. Chị C xác định còn tình cảm với anh T nhưng không có biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn, hiện tại mỗi người ở một nơi, không còn điện thoại liên lạc với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh T và chị C có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-7-2019, hiện nay chị C đang nuôi dưỡng. Anh T và chị C đều đề nghị giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành tự lập được. Xét đề nghị của anh chị là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị Hồng C

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 21-7-2019 cho chị Phạm Thị Hồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một

triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu H trưởng thành và lao động tự lập được.

Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị C .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2017/0002148 ngày 12-10-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn, còn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã B, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Tiến Dũng